

## Nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn di sản văn hoá

- một nhiệm vụ trọng tâm của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội

PGS.TS. TRẦN ĐỨC NGÔN\*

Xuất phát từ việc đánh giá đúng tầm quan trọng của những giá trị văn hoá truyền thống đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, ngay từ khi mới giành được độc lập, giữa lúc đất nước còn gặp muôn vàn khó khăn, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh số 65/ SL - CTP ngày 23/11/1945, trong đó quy định: "cấm phá huỷ đình chùa đền miếu hoặc những nơi thờ tự khác như cung điện, thành quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn. Cấm phá huỷ những bia ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính chất tôn giáo nhưng có ích cho lịch sử mà được bảo tồn". Đây là văn bản mang tính tiên đề cho sự tiếp nối của hàng loạt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về việc bảo vệ di sản văn hoá dân tộc.

Con đường mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn để đưa dân tộc Việt Nam tiến lên luôn được xác định rõ ràng là con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những giá trị văn hoá truyền thống luôn được xem là nền tảng, động lực thúc đẩy, đồng thời là tiêu chí đánh giá thành quả cách mạng. Tuy nhiên, trong

những năm chiến tranh, hoạt động kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, cũng như công tác hướng dẫn tổ chức các hoạt động bảo tồn di sản văn hoá chưa phải đã được thực hiện tốt, dẫn tới khá nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống hoặc phong tục tập quán tốt đẹp của các địa phương bị mai một. Trong bối cảnh đó, ngày 26 tháng 3 năm 1956, Trường Lý luận nghiệp vụ văn hoá - tiền thân của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội ngày nay - đã ra đời. Nhiệm vụ của nhà trường, ngay từ giai đoạn này, đã được xác định là đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất chính trị để định hướng và tổ chức những sinh hoạt văn hoá cho nhân dân theo tiêu chí của một nền văn hoá cách mạng. Đó chắc chắn phải là nền văn hoá dựa trên truyền thống tốt đẹp của toàn dân tộc. Đây là một trong những nỗ lực cụ thể của Đảng và Nhà nước nói chung, của ngành Văn hoá - Thông tin nói riêng, để bảo vệ những giá trị đích thực mang bản sắc văn hoá Việt Nam.

Ngay từ khi mới đào tạo những khoá sinh viên đầu tiên, vai trò của nhà trường đối với đời sống sinh hoạt văn hoá của nhân dân đã được xã hội ghi nhận. Các thể hệ thầy và trò

\* HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI

của Trường đã trở thành những người chiến sĩ cổ vũ và tham gia trực tiếp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu trên chiến trường miền Nam. Trong bước đường hành quân ấy, họ không chỉ thổi khí thế cách mạng vào đời sống văn hoá cho các tầng lớp nhân dân, mà còn, bằng con mắt nghiệp vụ, đã biết chặt lọc từ khối lửa chiến tranh những báu vật của truyền thống. Những ghi chép về phong tục tập quán các địa phương, những sưu tầm dân ca, dân vũ, dân nhạc... đã được các thể hệ cán bộ văn hoá lưu giữ và truyền lại đến ngày nay.

Tuy nhiên, cho dù nhiệm vụ của nhà trường được xác định là đào tạo đội ngũ cán bộ định hướng và tổ chức các sinh hoạt văn hoá cho nhân dân, thì trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, Trường Lý luận nghiệp vụ văn hoá cũng mới chỉ có thể thiên về đáp ứng được nhiệm vụ trước mắt của đất nước là đào tạo đội ngũ cán bộ mang lại không khí cách mạng cho đời sống văn hoá, chứ chưa thể hướng trọng tâm nhiệm vụ tới việc giúp cho đội ngũ ấy chủ động sưu tầm, bảo vệ, khai thác những giá trị văn hoá truyền thống từ trong chính những bộn bề của cách mạng. Những gì họ mang về từ chiến tranh chứa đựng giá trị văn hoá truyền thống chưa phải là nhiều và có hệ thống. Hoạt động bảo tồn di sản văn hoá trong những giai đoạn đầu đào tạo của nhà trường mới chỉ được xác định trong phạm vi tác nghiệp cụ thể của ngành bảo tàng. Ngành này có quy mô đào tạo khá khiêm tốn và cũng mới chỉ được dừng ở yêu cầu nghiệp vụ lưu giữ hiện vật. Nói theo ngôn ngữ chuyên môn hiện nay, thì ngành bảo tàng cũng mới chỉ chú ý tới những di sản văn hoá vật thể, cụ thể là những di vật.

Sau chiến tranh, đất nước thống nhất, Đảng và Nhà nước có điều kiện quan tâm sâu hơn tới việc nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, hoạt động bảo tồn di sản văn hoá cũng có điều kiện được triển khai cụ thể và toàn diện hơn. Trường Lý luận nghiệp vụ văn hoá được phát triển thành Trường Cao đẳng và sau đó là Đại học Văn hoá Hà Nội đã đáp ứng yêu cầu đào tạo trong giai đoạn mới. Đây cũng là bước ngoặt lớn trong lịch sử phát triển của nhà trường. Từ đó, vấn đề bảo tồn di sản

văn hoá đã được quán triệt một cách sâu sắc hơn, trở thành nội dung chủ yếu trong các hoạt động của nhà trường như: đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

## **1 - Hoạt động đào tạo**

### **1.1 - Về quy mô đào tạo**

Tiền thân là một trường lý luận nghiệp vụ nên trong suốt nhiều năm, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội vẫn chỉ duy trì được bốn ngành đào tạo cơ bản là Thư viện, Bảo tàng, Văn hoá quần chúng và Phát hành sách, tương ứng với bốn mảng tác nghiệp cụ thể trong hoạt động văn hoá ở cơ sở. Với bốn ngành đào tạo này, những cán bộ được nhà trường đào tạo để có ý thức cũng như chuyên môn về bảo tồn di sản văn hoá sẽ chiếm số lượng rất nhỏ, chỉ khuôn hẹp trong quy mô đào tạo của ngành bảo tàng (khoảng 40 sinh viên/khoá; nhiều khoá bị gián đoạn sau 3 - 4 năm). Trong nhiều năm gần đây, trước nhu cầu của thực tế, đặc biệt là do sự chú ý của toàn xã hội tới công tác bảo tồn di sản, nhiều ngành đào tạo mới của nhà trường đã ra đời. Những ngành đào tạo đó tuy có tên gọi không trực tiếp gắn với công tác bảo tồn di sản văn hoá, nhưng nền tảng cơ bản trong nội dung chuyên môn đều hướng tới công việc cung cấp cho người học một vốn tri thức phong phú về truyền thống văn hoá dân tộc, hình thành trong các thế hệ sinh viên một nhận thức đầy đủ và đúng đắn về công tác này. Có thể kể đến các ngành như: Văn hoá dân tộc thiểu số, Quản lý văn hoá, Văn hoá du lịch... Số lượng cán bộ làm công tác bảo tồn di sản văn hoá được đào tạo tại nhà trường đã vượt khỏi quy mô truyền thống của ngành bảo tồn bảo tàng, tạo nên một đội ngũ cán bộ đông đảo, đủ sức cung cấp cho khắp các cơ sở văn hoá cấp tỉnh, thành phố trong cả nước. Nhiều năm gần đây, số lượng sinh viên chính quy được đào tạo từ những gắn bó chặt chẽ với nghiệp vụ bảo tồn di sản văn hoá này đã tăng gấp 10 lần, lên tới hơn 500 sinh viên/khoá.

Đào tạo tại chức cũng được nhà trường hết sức chú trọng. Đây là kênh nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn di sản văn hoá một cách cụ thể và thiết thực. Đối tượng theo học hệ đào tạo này thường là những cán bộ văn hoá cơ

sở, đang trực tiếp quản lý và tổ chức các hoạt động văn hoá trên địa bàn, nên việc tác nghiệp của họ rất có ảnh hưởng tới các di sản văn hoá. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác bảo tồn di sản được thể hiện qua các văn bản như Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh, Quyết định 25/TTg, ngày 19/1/1993, Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII hay Luật di sản văn hoá... đều khó có thể được thực hiện tốt nếu đội ngũ cán bộ văn hoá tác nghiệp trực tiếp tại địa phương không được quán triệt đầy đủ. Điều này còn trở nên nghiêm trọng hơn ở những tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo..., nơi mà đội ngũ cán bộ văn hoá không chỉ thiếu mà còn hoạt động không đúng chuyên môn, và quan trọng hơn, là họ lại luôn phải đối diện với việc ngăn chặn làn sóng văn hoá ngoại lai do tiếp xúc gần gũi giữa các cộng đồng dân cư mang lại. Do vậy, khi đội ngũ cán bộ này được đào tạo tại chỗ, ý thức trách nhiệm và nghiệp vụ chuyên môn sẽ giúp họ không chỉ gìn giữ được những giá trị văn hoá truyền thống, làm phong phú và đa dạng bản sắc văn hoá Việt Nam, mà góp phần ngăn chặn những nguy cơ từ phía các lực lượng thù địch hòng làm cho bản sắc ấy bị phai nhạt. Quy mô đào tạo tại chức của nhà trường nhiều năm nay vẫn giữ ở mức ngang với chính quy, tức là mỗi năm cũng có khoảng trên 500 cán bộ văn hoá cơ sở từ những ngành gần bó trực tiếp với công tác bảo tồn di sản văn hoá được đào tạo.

Các lớp tập huấn ngắn hạn được nhà trường liên tục mở trong nhiều năm gần đây tiếp tục khẳng định sự phát triển của nhà trường theo hướng nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn di sản văn hoá. Điều đáng chú ý là trong số 7 ngành đào tạo hiện nay của nhà trường, những lớp tập huấn nghiệp vụ được mở nhiều nhất lại là những lớp liên quan tới vấn đề bảo vệ di sản văn hoá dân tộc. Những lớp này không phải chỉ được mở riêng cho cán bộ ngành văn hoá thông tin, mà đã đáp ứng được yêu cầu của nhiều ngành khác như: Hải quan, An ninh, Du lịch... Với quy mô trung bình năm từ 10 đến 15 lớp ngắn hạn, số lượng cán bộ được bồi dưỡng chuyên môn về lĩnh vực này ngày càng được nhân rộng.

### 1.2 - Về nội dung đào tạo

Như đã nói ở trên, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội hiện nay có 7 ngành nghiệp vụ được đào tạo. Ngoài phần đại cương, nhóm kiến thức chuyên sâu của tất cả các ngành đều được thiết kế theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, các chương trình đều gồm có phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Tuy phần kiến thức chuyên môn nghiệp vụ phải dành nhiều thời lượng cho việc cung cấp những kỹ năng tác nghiệp, nhưng các ngành đều dành lại một phần không nhỏ cho các môn học nhằm củng cố thêm nhóm kiến thức nền tảng cho nghiệp vụ này. Phần nền tảng cho các ngành nghiệp vụ cơ bản của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội hiện nay hầu hết đều dành cho những môn học cung cấp tri thức về văn hoá truyền thống. Nhiều ngành, tỷ lệ giữa hai khối kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và nền tảng văn hoá truyền thống lên tới 50%. Điều này vừa tạo hứng thú cho người học, vừa tạo tiền đề cho hiệu quả của các hoạt động chuyên môn, nhưng điều quan trọng là giúp cho hầu hết các cán bộ văn hoá được đào tạo từ nhà trường, dù ở các ngành khác nhau, đều có được một thái độ ứng xử rất đúng mực với những giá trị văn hoá truyền thống.

Năm 2003, chương trình đào tạo của toàn bộ các ngành trong nhà trường đều được đổi mới theo hướng phù hợp hơn với mục tiêu và nhiệm vụ đào tạo. Trong những bộ chương trình mới này, nhóm kiến thức về văn hoá truyền thống được tăng cường và được quan niệm là tiền đề quan trọng cho những hoạt động tác nghiệp. Nhiệm vụ đào tạo của một trường lý luận nghiệp vụ văn hoá với sản phẩm là các cán bộ thuần túy tác nghiệp đã được nâng lên tầm cao mới, ở đó, người cán bộ được trang bị kiến thức lý luận đa ngành để làm tốt chuyên môn của một ngành.

### 2 - Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong nhiều năm, hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội được xác định không chỉ thuần túy là phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy mà còn thực hiện nhiệm vụ định hướng các hoạt động nghiệp vụ văn hoá. Do vậy, việc hướng nội dung các công trình nghiên cứu khoa học của cả giảng viên và sinh viên tới văn hoá truyền thống chính là một hoạt động cụ thể, trực tiếp

góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn di sản văn hoá cho nhiều đối tượng trong toàn xã hội.

**2.1 - Đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên**

Trong khoảng 15 năm trở lại đây, ngoài phần định mức cố định trong hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm của mỗi giảng viên (quy đổi bằng 63 giờ chuẩn), số lượng các công trình nghiên cứu cá nhân và tập thể ngày càng tăng. Hàng năm, nhà trường dành một nguồn kinh phí không nhỏ cho các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Từ năm 1990 - 1996, số lượng đề tài khoa học cấp trường hàng năm chỉ là 5 đề tài, trong đó, những đề tài hướng tới văn hoá truyền thống chỉ chiếm khoảng 1/5, số còn lại chủ yếu phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của các ngành như Thư viện, Phát hành sách, hay các mô hình hoạt động nghệ thuật hiện đại của ngành Văn hoá quần chúng. Từ năm 1997 trở lại đây, số lượng đề tài khoa học cấp trường đã thường xuyên ở mức 10 đề tài mỗi năm. Đặc biệt, năm 2003 đã có 34 đề tài khoa học cấp trường được phê duyệt. Số lượng các đề tài có nội dung hướng tới việc bảo tồn di sản văn hoá truyền thống cũng ngày càng chiếm tỷ lệ khá lớn. Năm 2001 - 2002, các đề tài về vấn đề này là 6/10, năm 2002 - 2003 là 7/11, năm 2003 - 2004 là 12/34, năm 2004 - 2005 là 8/17. Hầu hết các đề tài được hội đồng nghiệm thu đánh giá loại xuất sắc.

Thế mạnh trong khả năng nghiên cứu những vấn đề về văn hoá truyền thống và bảo vệ di sản văn hoá của cán bộ giảng viên còn được phát huy ở mức cao hơn rất nhiều khi họ triển khai những đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Đã có 35 đề tài được triển khai từ năm 1993 tới nay, trong đó những đề tài được Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ đánh giá cao chủ yếu thuộc nhóm đề ra được những giải pháp cụ thể và khả thi cho việc bảo vệ di sản văn hoá trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đang phát triển mạnh ở Việt Nam những năm gần đây - Có thể kể đến các đề tài: "Văn hoá truyền thống với việc giáo dục tuổi vị thành niên trong nhà trường", "Hoạt động văn hoá thông tin với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong sinh hoạt tín ngưỡng của đồng bào HMông", "Văn hoá truyền thống làng xã ngoại

thành Hà Nội dưới tác động của nền kinh tế thị trường"...

Các đề tài nghiên cứu có nội dung hướng tới vấn đề bảo tồn di sản văn hoá chiếm tỷ lệ cao được nhận thấy rõ nhất qua các công trình đã xuất bản của Viện Văn hoá (viện nghiên cứu trực thuộc trường). Theo số liệu thống kê, từ năm 1978 đến nay, Viện đã xuất bản 104 đầu sách, trong đó có tới 87 tài liệu tôn vinh văn hoá truyền thống và đề cập đến những giải pháp bảo tồn vốn di sản quý báu này. Việc hướng nội dung nghiên cứu tới các vấn đề về di sản văn hoá của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Văn hoá Hà Nội đã chứng tỏ công tác này ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong nhiệm vụ của nhà trường.

**2.2 - Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên**

Là một đơn vị đã hai lần được nhận bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội luôn tự hào là nơi có phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên mạnh. Từ năm 1990 đến nay, sinh viên các khoa được nhận giải thưởng cấp Bộ gồm có:

- Khoa Thư viện - Thông tin có 7 giải thưởng, trong đó có 1 giải nhất, 1 giải nhì, 3 giải ba và 2 giải khuyến khích;
- Khoa Bảo tàng có 9 giải thưởng, trong đó có 4 giải nhì, 1 giải 3 và 4 giải khuyến khích;
- Khoa Quản lý văn hoá có 6 giải thưởng, trong đó có 1 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải ba và 3 giải khuyến khích;
- Khoa Phát hành sách có 3 giải khuyến khích; khoa Văn hoá Du lịch có 2 giải khuyến khích.

Trong tổng số 241 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên gửi đi dự thi từ năm 1990 đến nay, có tới 102 đề tài hướng trọng tâm tới việc tôn vinh giá trị của các loại hình văn hoá truyền thống. Đây có lẽ là thế mạnh trong nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của các sinh viên. Hầu hết các đề tài đạt giải thưởng cấp Bộ đều thuộc nhóm vấn đề này. Ví dụ, đề tài *dân ca Quan họ*, một biểu hiện của bản sắc dân tộc được giải nhất cấp Bộ năm 1995, đề tài *Nét đẹp trong hội miếu Tiên Công*, giải Nhì cấp Bộ năm 1996, đề tài *Hiện trạng và giải pháp vấn đề bảo tồn di tích lịch sử văn*

hoá quận Hoàn Kiếm, giải Nhì cấp Bộ năm 1997... Điều này cho thấy, vấn đề bảo tồn di sản văn hoá đã được sinh viên của trường nhận thức khá đầy đủ.

### 3 - Các hoạt động chuyên môn khác

Trước hết là việc tổ chức các hội thảo chuyên ngành. Trong những năm gần đây, nhà trường dồn trọng tâm các hội thảo cho vấn đề đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy. Thông qua các hội thảo này, mảng kiến thức về di sản văn hoá được đưa vào chương trình cả các ngành ngày một tăng. Tuy nhiên, không vì những hội thảo này mà nhà trường ít chú ý tới việc tổ chức những cuộc trao đổi về các chủ đề văn hoá truyền thống. Năm 2003, nhà trường đã tổ chức tốt hội thảo vấn đề bảo tồn di sản văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam. Năm 2004, trong khuôn khổ thực hiện đề tài khoa học cấp Bộ "*Văn hoá truyền thống làng xã ngoại thành Hà Nội dưới tác động của kinh tế thị trường*", nhóm tác giả đã tổ chức hội thảo về diện mạo văn hoá truyền thống Thăng Long. Thông qua các hội thảo này, tiếng chuông cảnh báo về sự mai một những giá trị tốt đẹp của văn hoá truyền thống đã được dóng lên, làm tiền đề đưa ra những giải pháp có thể áp dụng nhằm bảo vệ những giá trị tốt đẹp đó.

Không cực đoan tới mức đóng cửa để bảo vệ di sản văn hoá. Trường Đại học Văn hoá Hà Nội đã tổ chức mời chuyên gia nước ngoài tới giảng dạy cho nhiều lớp bồi dưỡng kiến thức, nhằm giúp cán bộ giảng viên nhà trường có điều kiện học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nhà khoa học của các nước trên thế giới. Năm 2004, lớp tập huấn về bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể, do chuyên gia Mỹ giảng dạy, đã mang lại hiệu quả rất thiết thực. Gần 50

cán bộ giảng viên, trong đó có toàn bộ Ban Giám hiệu nhà trường đã theo học. Điều này càng khẳng định ý thức trách nhiệm của nhà trường trước công tác bảo vệ di sản văn hoá.

Các cán bộ giảng viên của trường còn tham gia vào nhiều hoạt động tư vấn cho các địa phương như: Hướng dẫn tổ chức hoạt động cho một số hội sưu tầm cổ vật; hướng dẫn thiết kế phòng truyền thống; hướng dẫn thành lập các đội văn nghệ dân gian ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Những hoạt động đó đã góp phần định hướng cho công tác bảo tồn di sản văn hoá ở ngoài nhà trường.

Như vậy, ngay từ khi mới được thành lập, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội luôn ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá. Đặc biệt, từ sau những năm đổi mới, cơ chế thị trường và xu hướng toàn cầu hoá đã đặt văn hoá truyền thống dân tộc trước những thử thách, khó khăn, công tác bảo tồn di sản văn hoá càng trở nên có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Là một đơn vị đào tạo lớn nhất của Bộ Văn hoá - Thông tin, ý thức trách nhiệm đối với công tác bảo tồn di sản văn hoá của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, vì thế, cần không ngừng được nâng cao để hoàn thành hơn nữa trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó.

Văn hoá là linh hồn của mỗi dân tộc. Nếu một dân tộc đánh mất những giá trị tốt đẹp trong toàn bộ di sản văn hoá của mình thì cũng giống như một con người bị mất đi trí nhớ, cuộc sống sẽ trở nên nhạt nhẽo và vô nghĩa lý. Hy vọng, nhận thức này sẽ không phải chỉ là của riêng những người đang làm công tác trên mặt trận văn hoá./.

T.D.N

**Summary:** IMPROVE THE EFFECTIVENESS OF CULTURAL HERITAGE PROTECTION ACTIVITIES - AN IMPORTANT TASK OF HANOI CULTURAL UNIVERSITY (PROF. DR. TRAN DUC NGON)

The paper provides a systematic picture on the role and position of Hanoi Cultural University as well as its particular contribution in the protection and promotion of the national cultural heritage since its establishment (on 26 March 1956). Special focus is paid on achievements in staff training for cultural heritage and scientific research, thus contributing to the building of specialized theories on protection and promotion of cultural heritage values.